HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28 /2017/NQ-HĐND	*Hà Nam, ngày 07 tháng 12 năm 2017*

NGHỊ QUYẾT
Về Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Hà Nam đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 42/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quy hoạch tài nguyên nước;

Xét Tờ trình số 3471/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Hà Nam đến năm 2025, định hướng đến 2035; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Hà Nam đến năm 2025 và định hướng đến 2035 với một số nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU QUY HOẠCH

Xác định, đánh giá toàn diện tiềm năng tài nguyên nước (nguồn nước mặt và nước dưới đất) để quản lý, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, hài hòa, hợp lý của các đối tượng sử dụng nước gắn với phòng, chống, giảm thiểu ô nhiễm và suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, bảo đảm các mục tiêu chất lượng nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Tiềm năng tài nguyên nước

Tổng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam khoảng 11,19 tỷ m^3/năm gồm:

+ Nguồn nước mặt nội sinh trên địa bàn tỉnh là 0,73 tỷ m^3/ năm;

+ Nguồn nước mặt của các sông liên tỉnh là 10,35 tỷ m^3/ năm;

+ Nguồn nước dưới đất là 0,11 tỷ m^3/năm;

- Lượng nước có thể phân bổ 11,08 tỷ m^3/năm

2. Nhu cầu khai thác, sử dụng nước

Tổng nhu cầu khai thác, sử dụng nước trên địa bàn tỉnh trong từng giai đoạn như sau:

- Đến năm 2020 là 594,72 triệu m^3/năm,

- Đến năm 2025 là 568,23 triệu m3/năm,

- Đến năm 2030 là 592,27 triệu m3/năm;

- Đến năm 2035 là 577,69 triệu m^3/năm.

3. Phương án phân bổ nguồn nước

a) Chức năng nguồn nước

- Nguồn nước sông: gồm các sông: sông Hồng, sông Đáy, sông Nhuệ, sông Châu, sông Sắt, sông Duy Tiên. Cung cấp nước cho tất cả các nhu cầu sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông thủy, thủy sản.

- Nguồn nước tại các hồ: gồm 10 hồ địa bàn thành phố Phủ Lý, 04 hồ địa bàn huyện Kim Bảng và 01 hồ địa bàn huyện Thanh Liêm. Chủ yếu cung cấp nước cho nhu cầu tạo cảnh quan, điều hòa môi trường, nông nghiệp, thủy sản.

b) Thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn nước

Thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng căn cứ vào Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương. Thứ tự ưu tiên được xác định và sắp xếp như sau: (1) cấp nước cho sinh hoạt; (2) cấp nước cho công nghiệp; (3) cấp nước cho du lịch, dịch vụ; (4) cấp nước cho nông nghiệp; (5) cấp nước cho thủy sản.

c) Phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng

- Trong trường hợp bình thường phân bổ bảo đảm 100% nhu cầu khai thác cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước;

- Trong trường hợp hạn hán, thiếu nước (nguồn nước đến tương ứng với tần suất từ 85% trở xuống) lượng nước phân bổ cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước theo thứ tự ưu tiên sinh hoạt 100%; công nghiệp 95%; du lịch, dịch vụ 90%; nông nghiệp 85%; thủy sản 80%.

III. MỘT SỐ NHÓM NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý chất lượng nước gắn quản lý việc xả thải (tất cả các nguồn nước thải phải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả vào nguồn nước); quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước (hành lang sông, hồ) và khoanh vùng bảo hộ vệ sinh, vùng cấm, hạn chế khai thác và các khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất.

2. Xây dựng mạng lưới giám sát tài nguyên nước gồm 12 vị trí giám sát tài nguyên nước mặt và 16 vị trí giám sát tài nguyên nước dưới đất.

3. Ban hành các quy định phục vụ công tác quản lý tài nguyên nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước, phù hợp với đặc điểm tài nguyên nước và công tác quản lý nhà nước của Tỉnh. Cập nhật, nâng cấp hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước, gắn với cơ sở dữ liệu về môi trường, đất đai bảo đảm tích hợp với hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước, cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường của Trung ương. Triển khai có hiệu quả các dự án phát triển tài nguyên nước, bảo vệ nguồn nước đảm bảo đúng lộ trình, tiến độ đề ra. Công khai các thông tin về các cơ sở gây ô nhiễm và các nguồn nước bị ô nhiễm cho nhân dân biết và phát huy sức mạnh cộng đồng trong theo dõi, giám sát các hoạt động bảo vệ nguồn nước.

4. Áp dụng công nghệ sử dụng nước tiết kiệm và phát sinh ít nước thải và ứng dụng công nghệ xử lý nước thải bảo đảm tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường. Chống thất thoát, lãng phí tài nguyên nước, nâng cao hiệu quả khai thác của các công trình khai thác, sử dụng nước, đặc biệt là các công trình thủy lợi và công trình cấp nước tập trung.

5. Huy động các nguồn lực đầu tư thực hiện các chương trình dự án phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước để thực hiện phân bổ nguồn nước và bảo vệ nguồn nước (Lập hành lang bảo vệ nguồn nước, khoanh định vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, xây dựng mạng lưới quan trắc tài nguyên nước; xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước...).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam khoá XVIII kỳ họp thứ năm thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2017./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: TN&MT; Cục KTVB -Tư pháp;
- BTV Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UB MTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài nguyên và MT; Tư pháp;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Sỹ Lợi